3.3.2.3

(6)

*Phụ lục 1*

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP HỒ CHÍ MINH
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Tp.HCM, ngày 03 tháng 9 năm 2013*

# CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành tại Quyết định số 746 ngày 03 tháng 9 năm 2013
của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh Tế - Luật)

Tên chương trình: **HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ**
Trình độ đào tạo: **Đại học**
Ngành đào tạo: **HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ**
Loại hình đào tạo: **Chính quy**

## 1. Mục tiêu đào tạo

### 1.1 Mục tiêu chung

Đào tạo đội ngũ cử nhân kinh tế ngành Hệ thống thông tin quản lý có đầy đủ kiến thức chuyên môn cần thiết về tin học, kinh tế và quản lý và đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn lực chất lượng cao trong thời đại công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

### 1.2 Mục tiêu cụ thể

- Đào tạo đội ngũ những nhà quản lý có khả năng đánh giá và thẩm định các dự án Hệ thống thông tin ứng dụng trong lĩnh vực kinh tế, quản lý.
- Đào tạo đội ngũ có khả năng am hiểu và vận dụng kiến thức chuyên môn để giải quyết các vấn đề cụ thể trong quản lý và điều hành doanh nghiệp, ngân hàng.
- Đào tạo đội ngũ có chuyên môn cao có khả năng lập kế hoạch, xây dựng và phát triển hệ thống thông tin quản lý.
- Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp.

### 1.3 Chuẩn đầu ra

❖ **Kiến thức**

a. Khả năng đánh giá, thẩm định và quản lý các dự án hệ thống thông tin trong doanh nghiệp;

b. Khả năng tư vấn, lập kế hoạch, xây dựng và triển khai các dự án Hệ thống thông tin quản lý;

c. Khả năng tham gia xây dựng và triển khai các dự án thương mại điện tử;

d. Khả năng thống kê, tập hợp, phân tích và xử lý số liệu nhằm mục tiêu hỗ trợ ra quyết định trong kinh doanh và quản lý;

e. Khả năng nhận biết về nhu cầu và tham gia vào việc học tập suốt đời;

f. Kiến thức về những vấn đề thời sự.

❖ **Kỹ năng**

g. Kỹ năng sử dụng các hệ thống quản trị doanh nghiệp;

h. Kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm;

i. Khả năng viết báo cáo, thuyết trình, bảo vệ đề án.

❖ **Thái độ**

j. Hiểu biết trách nhiệm nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp;

k. Trách nhiệm với bản than và cộng đồng;

l. Ý thức vượt khó vươn lên trong mọi công việc.

❖ **Trình độ ngoại ngữ**

m. Khả năng giao tiếp và làm việc hiệu quả bằng tiếng Việt và tiếng Anh: 500 TOEIC hoặc tương đương.

**1.4 Cơ hội nghề nghiệp**

❖ **Vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp**

- Tư vấn, lập kế hoạch, xây dựng và triển khai các dự án hệ thống thông tin, dự án ERP (hoạch định nguồn lực doanh nghiệp), các dự án thương mại điện tử tại các công ty cung cấp giải pháp;
- Vận hành, khai thác, quản lý và phát triển các dự án hệ thống thông tin, dự án ERP, các dự án thương mại điện tử tại các doanh nghiệp sử dụng giải pháp;
- Kiểm toán viên hệ thống thông tin trong các công ty kiểm toán;
- Phân tích dữ liệu, khai thác dữ liệu, thống kê dự báo trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, kế toán, quản lý kết hợp với công cụ tin học nhằm mục tiêu hỗ trợ ra quyết định trong quản lý doanh nghiệp;
- Lập trình viên, kiểm tra và bảo đảm chất lượng phần mềm trong các công ty phần mềm hoặc tham gia vào các bộ phận IT (Information Technology) trong doanh nghiệp;
- Tiếp tục học nâng cao trình độ ở các bậc sau đại học bổ sung vào đội ngũ giảng viên làm công tác giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng và THCN.

❖ **Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp**

Tiếp tục học tập, nghiên cứu nâng cao kiến thức trình độ thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành hệ thống thông tin quản lý và khối ngành kinh tế khác trong và ngoài nước.

### 1.5 Ma trận chuẩn đầu ra – môn học:

| TÊN MÔN HỌC | CHUẨN ĐẦU RA | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | a | b | c | d | e | f | g | h | i | j | k | l | m |
| **Ngoại ngữ** | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| **Giáo dục thể chất** | | | | | | | | | | | x | x | |
| **Giáo dục quốc phòng** | | | | | | | | | | | x | x | |
| Toán cao cấp (C1+C2) | | | | x | | | | x | x | | | | x |
| Lý thuyết xác suất | | | | x | | | | x | x | | | | x |
| Những nguyên lý căn bản của chủ nghĩa Mác-Lênin | | | | | x | x | | x | | | x | x | x |
| Đường lối cách mạng của ĐCSVN | | | | | x | x | | x | | | x | x | x |
| Tư tưởng Hồ Chí Minh | | | | | x | x | | x | | | x | x | x |
| Tâm lý học | | | | | x | x | | x | | x | x | x | x |
| Nhập môn khoa học giao tiếp | | | | | x | x | | x | | x | x | | x |
| Phương pháp nghiên cứu khoa học | | | | | x | x | | x | x | x | x | x | x |
| Kỹ năng làm việc nhóm | | | | | x | x | | x | x | x | x | | x |
| Lịch sử các học thuyết kinh tế | | | | | x | x | | x | x | | | | x |
| Lịch sử Việt Nam và các nước | | | | | x | x | | x | x | | | | x |
| Địa chính trị thế giới | | | | | x | x | | x | x | | | | x |
| Quan hệ quốc tế | | | x | | x | x | | x | x | x | x | x | x |
| Kinh tế học căn bản | | x | | | x | x | | x | x | | x | | x |
| Quản trị học căn bản | | x | x | | x | x | | x | x | | x | | x |
| Kế toán đại cương | | x | | | x | x | | x | x | x | x | | x |
| Tin học đại cương | | | x | | x | x | | x | x | x | | | x |
| Toán cho tin học | | x | | x | x | x | | x | x | x | | x | x |
| Tin học ứng dụng | | | x | | x | x | | x | x | x | | | x |
| Logic học | | | | | x | x | | x | | | | x | x |
| Pháp luật đại cương | | | | | x | x | | x | x | x | x | x | x |
| Kỹ thuật lập trình | | x | x | | x | x | | x | x | | | x | x |
| Cấu trúc dữ liệu và giải thuật | | x | x | | x | x | | x | x | | | x | x |
| Luật kinh tế | | | x | | x | x | | x | x | x | x | x | x |
| Marketing căn bản | | | x | | | x | | x | x | x | x | x | x |
| Thống kê ứng dụng | | | | x | x | x | | x | x | x | x | x | x |
| Kinh doanh quốc tế | | x | x | | x | x | | x | x | x | x | x | x |
| Lý thuyết tài chính tiền tệ | | x | | | x | x | | x | x | x | x | x | x |
| Kinh tế lượng | | | | x | x | x | | x | x | x | x | x | x |
| Tài chính doanh nghiệp | | | | | x | x | | x | x | x | x | x | x |
| Kế toán tin học | | x | | | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| Quản trị dự án hệ thống thông tin | x | x | x | | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| Thương mại điện tử | | | x | | x | x | | x | x | x | x | x | x |
| Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu (CSDL) Oracle | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Hệ thống thông tin quản lý | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| Nhập môn CSDL | | | x | x | x | x | | x | x | x | x | x | x |
| Mạng máy tính | x | x | x | | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| Thiết kế và lập trình Web kinh doanh 1 | | x | x | | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| Thiết kế và lập trình Web kinh doanh 2 | | x | x | | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin quản lý | | x | x | | x | x | | x | x | x | x | x | x |
| Khai phá dữ liệu & Nhà kho dữ liệu | | | | x | x | x | | x | x | x | x | x | x |
| Đồ án ngành | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| An toàn và bảo mật hệ thống thông tin quản lý | x | x | x | | x | x | | x | x | x | x | x | x |
| Hệ thống thông tin doanh nghiệp | x | x | | | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 1 | x | x | | | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 2 | x | x | | | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| Chính phủ điện tử | | | x | | x | x | | x | x | x | x | x | x |
| Thanh toán điện tử | | | x | | x | x | | x | x | x | x | x | x |
| Thị trường chứng khoán | | | | x | x | x | | x | x | x | x | x | x |
| Lập trình Cơ sở dữ liệu | | x | x | | x | x | | x | x | x | x | x | x |
| Kế toán tài chính (3TC) | | x | | | x | x | | x | x | x | x | x | x |
| Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (3TC) | | x | | | x | x | | x | x | x | x | x | x |
| Phát triển ứng dụng mã nguồn mở | | | x | | x | x | | x | x | x | x | x | x |
| Hệ thống thông tin kế toán | | x | | | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| Marketing điện tử | | | x | | x | x | | x | x | x | x | x | x |
| Quản trị chiến lược | | | x | | x | x | | x | x | x | x | x | x |
| Quản trị nguồn nhân lực | | x | | | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| Quản trị bán hàng | | x | x | | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| Luật giao dịch điện tử | | | x | | x | x | | x | x | x | x | x | x |
| **Chuyên đề tốt nghiệp** | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |

### 1.6 Ma trận chuẩn đầu ra – mục tiêu đào tạo:

| CHUẨN ĐẦU RA | MỤC TIÊU ĐÀO TẠO | | | |
|---|---|---|---|---|
| | Mục tiêu I | Mục tiêu II | Mục tiêu III | Mục tiêu IV |
| **a.** Khả năng đánh giá, thẩm định và quản lý các dự án hệ thống thông tin trong doanh nghiệp | x | x | x | |
| **b.** Khả năng tư vấn, lập kế hoạch, xây dựng và triển khai các dự án Hệ thống thông tin quản lý | x | x | x | |
| **c.** Khả năng tham gia xây dựng và triển khai các dự án thương mại điện tử | | x | x | |
| **d.** Khả năng tập hợp, phân tích và xử lý số liệu nhằm mục tiêu hỗ trợ ra quyết định trong kinh doanh và quản lý | x | x | x | |
| **e.** Khả năng nhận biết về nhu cầu và tham gia vào việc tập suốt đời | | | | x |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| **f.** Kiến thức về những vấn đề thời sự | x | x | x | x |
| **g.** Kỹ năng sử dụng các hệ thống quản trị doanh nghiệp | x | x | x | |
| **h.** Kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm | x | x | x | |
| **i.** Khả năng viết báo cáo, thuyết trình, bảo vệ đề án | x | x | x | |
| **j.** Hiểu biết trách nhiệm nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp | | | | x |
| **k.** Trách nhiệm với bản thân và cộng đồng | | | | x |
| **l.** Ý thức vượt khó vươn lên trong mọi công việc | x | x | x | x |
| **m.** Khả năng giao tiếp và làm việc hiệu quả bằng tiếng Việt và tiếng Anh: 500 TOEIC hoặc tương đương | x | x | x | x |

**Mục tiêu I:** Đào tạo đội ngũ những nhà quản lý có khả năng đánh giá và thẩm định các dự án Hệ thống thông tin ứng dụng trong lĩnh vực kinh tế, quản lý

**Mục tiêu II:** Đào tạo đội ngũ có khả năng am hiểu và vận dụng kiến thức chuyên môn để giải quyết các vấn đề cụ thể trong quản lý và điều hành doanh nghiệp, ngân hàng.

**Mục tiêu III:** Đào tạo đội ngũ có chuyên môn cao có khả năng lập kế hoạch, xây dựng và phát triển hệ thống thông tin quản lý

**Mục tiêu IV:** Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp

**2. Thời gian đào tạo:** 4 năm với 8 học kỳ

**3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 130 TC (không kể phần kiến thức: ngoại ngữ, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng)

**4. Đối tượng tuyển sinh:** Mọi đối tượng trên toàn quốc có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (hệ tập trung, hệ giáo dục thường xuyên), trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề.

**5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:** Căn cứ vào Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng theo hệ thống tín chỉ Ban hành kèm theo Quyết định số 1368 /ĐHQG-ĐH&SĐH ngày 21 tháng 11 năm 2008 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

**5.1 Quy trình đào tạo**

Quy trình đào tạo được chia làm 8 học kỳ:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương và cơ sở khối ngành: học kỳ 1, học kỳ 2, học kỳ 3, học kỳ 4.
- Khối kiến thức chuyên ngành: học kỳ 4, học kỳ 5, học kỳ 6, học kỳ 7.
- Thực tập cuối khóa, khóa luận tốt nghiệp hoặc học chuyên đề: học kỳ 7, 8.

**5.2. Điều kiện tốt nghiệp**

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp, nếu hội đủ các điều kiện sau đây:

- Tích lũy đủ số TC của ngành đào tạo.
- Đạt điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa theo quy định.
- Đạt các chứng chỉ GDQP, chứng chỉ giáo dục thể chất .
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

## 6. Thang điểm:

Thang điểm sử dụng là thang điểm 10 và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

## 7. Nội dung chương trình

**7.1. Kiến thức giáo dục đại cương:** 48 tín chỉ

### 7.1.1 Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 10 tín chỉ

| STT | MÃ MÔN HỌC | TÊN MÔN HỌC | TÍN CHỈ | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | TỔNG CỘNG | LÝ THUYẾT | TH/TN | KHÁC |
| | | **Các môn học bắt buộc (10 TC)** | **10** | **10** | | |
| 1 | NL01 | Những nguyên lý của CN Mác – Lênin | 5 | 5 | | |
| 2 | ĐL01 | Đường lối cách mạng của ĐVN | 3 | 3 | | |
| 3 | TT01 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | 2 | | |

### 7.1.2 Nhăn văn – Kỹ năng: 4 tín chỉ

| STT | MÃ MÔN HỌC | TÊN MÔN HỌC | TÍN CHỈ | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | TỔNG CỘNG | LÝ THUYẾT | TH/TN | KHÁC |
| **Không có môn học bắt buộc** | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| **Các môn tự chọn (4 TC)** | | | **4** | **4** | | |
| 1 | TL01 | Tâm lý học (*) | 2 | 2 | | |
| 2 | | Nhập môn khoa học giao tiếp (*) | 2 | 2 | | |
| 3 | PP01 | Phương pháp nghiên cứu khoa học (**) | 2 | 2 | | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 4 | KN01 | Kỹ năng làm việc nhóm (**) | 2 | 2 | | |

**7.1.3 Khoa học – Xã hội: 5 tín chỉ**

| STT | MÃ MÔN HỌC | TÊN MÔN HỌC | TÍN CHỈ | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | TỔNG CỘNG | LÝ THUYẾT | TH/TN | KHÁC |
| **Không có môn học bắt buộc** | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| **Các môn tự chọn (5 TC)** | | | **5** | **5** | | |
| 1 | | Lịch sử các học thuyết kinh tế (*) | 2 | 2 | | |
| 2 | | Lịch sử Việt nam và các nước (*) | 3 | 3 | | |
| 3 | | Địa chính trị thế giới (**) | 3 | 3 | | |
| 4 | | Quan hệ quốc tế (**) | 3 | 3 | | |

**7.1.4 Khoa học kinh tế: 10 tín chỉ**

| STT | MÃ MÔN HỌC | TÊN MÔN HỌC | TÍN CHỈ | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | TỔNG CỘNG | LÝ THUYẾT | TH/TN | KHÁC |
| **Các môn học bắt buộc (10 TC)** | | | **10** | **10** | | |
| 1 | KT42 | Kinh tế học căn bản | 4 | 4 | | |
| 2 | QT01 | Quản trị học cân bản | 3 | 3 | | |
| 3 | KK01 | Kế toán đại cương | 3 | 3 | | |

**7.1.5 Ngoại ngữ không chuyên: 12 tín chỉ**

| STT | MÃ MÔN HỌC | TÊN MÔN HỌC | TÍN CHỈ | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | TỔNG CỘNG | LÝ THUYẾT | TH/TN | KHÁC |
| 1 | NN01 | Ngoại ngữ không chuyên 1 | 4 | 4 | | |
| 2 | NN02 | Ngoại ngữ không chuyên 2 | 4 | 4 | | |
| 3 | NN03 | Ngoại ngữ không chuyên 3 | 4 | 4 | | |

**7.1.6 Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên: 16 tín chỉ**

| STT | MÃ MÔN HỌC | TÊN MÔN HỌC | TÍN CHỈ | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | TỔNG CỘNG | LÝ THUYẾT | TH/TN | KHÁC |
| **Các môn học bắt buộc: 13 TC** | | | **13** | **13** | | |
| 1 | | Toán cao cấp | 5 | 5 | | |
| 2 | TO06 | Lý thuyết xác suất | 2 | 2 | | |
| 3 | IS34 | Tin học đại cương | 3 | 3 | | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 4 | IS43 | Toán cho tin học | 3 | 3 | | |
| **Các môn học tự chọn: 03 TC** | | | **3** | **3** | | |
| 1 | IS44 | Tin học ứng dụng | 3 | 3 | | |
| 2 | LG01 | Logic học | 3 | 3 | | |

**7.1.7 Khoa học pháp lý: 3 tín chỉ**

| STT | MÃ MÔN HỌC | TÊN MÔN HỌC | TÍN CHỈ | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | TỔNG CỘNG | LÝ THUYẾT | TH/TN | KHÁC |
| **Các môn học bắt buộc: 3 TC** | | | **3** | **3** | | |
| 1 | PL01 | Pháp luật đại cương | 3 | 3 | | |

**7.1.8 Giáo dục thể chất: 5 tín chỉ**

**7.1.9 Giáo dục quốc phòng: 165 tiết**

**7. 2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:** 82 Tín chỉ

| | | **7.2.1. Kiến thức cơ sở - 19 TC** | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| STT | MÃ MÔN HỌC | TÊN MÔN HỌC | Môn tiên quyết | TÍN CHỈ | | | |
| | | | | TỔNG CỘNG | LÝ THUYẾT | TH/TN | KHÁC |
| **Các môn học bắt buộc** | | | | **13** | **13** | | |
| 1 | IS02 | Kỹ thuật lập trình | IS34 | 4 | 4 | | |
| 2 | IS35 | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật | IS02 | 3 | 3 | | |
| 3 | LU01 | Luật kinh tế | | 3 | 3 | | |
| 4 | MA01 | Marketing căn bản | | 3 | 3 | | |
| **Các môn tự chọn : 6 TC** | | | | **6** | **6** | | |
| 1 | TD01 | Kinh doanh quốc tế | | 3 | 3 | | |
| 2 | TC10 | Lý thuyết tài chính tiền tệ | | 3 | 3 | | |
| 3 | KT02 | Kinh tế lượng | | 3 | 3 | | |
| 4 | | Tài chính doanh nghiệp | | 3 | 3 | | |
| 5 | IS15 | Kế toán tin học | IS34<br>KK01 | 3 | 3 | | |
| 6 | | Thống kê ứng dụng | | 3 | 3 | | |
| | | **7.2.2. Kiến thức ngành chính – 53 TC** | | **53** | **53** | | |
| **Các môn học bắt buộc : 44 TC** | | | | **44** | **44** | | |
| 1 | IS48 | Quản trị dự án hệ thống thông tin | IS02<br>IS42 | 3 | 3 | | |
| 2 | IS21 | Thương mại điện tử | IS34 | 3 | 3 | | |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | QT01<br>PL01<br>MA01 | | | | |
| 3 | IS36 | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle | IS38 | 3 | 3 | | |
| 4 | IS37 | Hệ thống thông tin quản lý | IS34<br>QT01 | 3 | 3 | | |
| 5 | IS38 | Nhập môn cơ sở dữ liệu | IS43 | 3 | 3 | | |
| 6 | IS39 | Mạng máy tính và bảo mật | IS34 | 3 | 3 | | |
| 7 | IS40 | Thiết kế và lập trình Web kinh doanh 1 | IS02<br>IS39 | 3 | 3 | | |
| 8 | IS41 | Thiết kế và lập trình Web kinh doanh 2 | IS36<br>IS40 | 3 | 3 | | |
| 9 | IS42 | Phân tích và thiết kế Hệ thống thông tin quản lý | IS37<br>IS38 | 3 | 3 | | |
| 10 | IS14 | Khai phá dữ liệu & Nhà kho dữ liệu | IS38 | 3 | 3 | | |
| 11 | IS25 | Đồ án ngành | IS42<br>IS41<br>IS36 | 3 | 3 | | |
| 12 | IS28 | An toàn và bảo mật hệ thống thông tin thông tin quản lý | IS42<br>IS39 | 3 | 3 | | |
| 13 | IS45 | Hệ thống thông tin doanh nghiệp | IS37<br>KK01 | 2 | 2 | | |
| 14 | IS46 | Tích hợp qui trình kinh doanh với các hệ thống ERP 1 | IS45 | 3 | 3 | | |
| 15 | IS47 | Tích hợp qui trình kinh doanh với các hệ thống ERP 2 | IS46 | 3 | 3 | | |
| **Các môn tự chọn : 9 TC** | | | | **9** | **9** | | |
| 1 | IS20 | Chính phủ điện tử | IS39 | 3 | 3 | | |
| 2 | IS19 | Thanh toán điện tử | IS21 | 3 | 3 | | |
| 3 | TN02 | Thị trường chứng khoán | | 3 | 3 | | |
| 4 | IS27 | Lập trình cơ sở dữ liệu | IS02<br>IS38<br>IS36 | 3 | 3 | | |
| 5 | KK08 | Kế toán tài chính (3TC) | | 3 | 3 | | |
| 6 | NV01 | Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (3TC) | | 3 | 3 | | |
| 7 | IS26 | Phát triển ứng dụng mã nguồn mở | IS02<br>IS36 | 3 | 3 | | |
| 8 | KK13 | Hệ thống thông tin Kế toán | KK01<br>KK08 | 3 | 3 | | |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 9 | IS28 | Marketing điện tử | MA01<br>IS21 | 3 | 3 | | |
| 10 | QT03 | Quản trị chiến lược | | 3 | 3 | | |
| 11 | QT04 | Quản trị nguồn nhân lực | | 3 | 3 | | |
| 12 | QT16 | Quản trị bán hàng | | 3 | 3 | | |
| 13 | LU03 | Luật giao dịch điện tử | | 3 | 3 | | |
| | | **7.2.3 Kiến thức ngành thứ hai** | | | | | |
| | | **7.2.4 Ngoại ngữ chuyên ngành – 12 TC** | | **12** | **12** | | |
| 1 | NN04 | Ngoại ngữ chuyên ngành 1 | | 4 | 4 | | |
| 2 | NN05 | Ngoại ngữ chuyên ngành 2 | | 4 | 4 | | |
| 3 | NN06 | Ngoại ngữ chuyên ngành 3 | | 4 | 4 | | |
| | | **7.2.5 Kiến thức bổ trợ tự do** | | | | | |
| | | **7.2.6 Kiến thức nghiệp vụ sư phạm** | | | | | |

**7.3 Thực tập tốt nghiệp + Khóa luận tốt nghiệp/Học 2 chuyên đề TN): 10 tín chỉ**

**8. Dự kiến Kế hoạch giảng dạy**

**HỌC KỲ I (Năm 1) – 19 TC**

| STT | MÃ MÔN HỌC | TÊN MÔN HỌC | TÍN CHỈ | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | TỔNG CỘNG | LÝ THUYẾT | TH/TN | |
| | | | **19** | **18** | **1** | |
| | | **Các môn học bắt buộc : 17 TC** | **17** | **16** | **1** | |
| 1 | NL01 | Những nguyên lý của CN Mác – Lênin | 5 | 5 | | |
| 2 | TO08 | Toán cao cấp | 5 | 5 | | |
| 3 | IS34 | Tin học đại cương | 3 | 2 | 1 | |
| 4 | KT42 | Kinh tế học căn bản | 4 | 4 | | |
| | | **Các môn học tự chọn : 2 TC** | **2** | **2** | | |
| 1 | TL01 | Tâm lý học | 2 | 2 | | Chọn 1 trong 2 |
| 2 | GT05 | Nhập môn khoa học giao tiếp | 2 | 2 | | |
| | NN01 | Ngoại ngữ không chuyên 1 | 4 | 4 | | |

**HỌC KỲ II (Năm 1) – 17 TC**

| STT | MÃ MÔN HỌC | TÊN MÔN HỌC | TÍN CHỈ | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | TỔNG CỘNG | LÝ THUYẾT | TH/TN | |
| | | | **17** | **16** | **1** | |
| | | **Các môn học bắt buộc : 12 TC** | **12** | **11** | **1** | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TO07 | Lý thuyết xác suất | 2 | 2 | | |
| 2 | QT04 | Quản trị học đại cương | 3 | 3 | | |
| 3 | KK01 | Kế toán đại cương | 3 | 3 | | |
| 4 | IS02 | Kỹ thuật lập trình | 4 | 3 | 1 | IS34 |
| | | **Các môn học tự chọn : 5 TC** | **5** | **5** | | |
| 1 | QH01 | Quan hệ quốc tế | 2 | 2 | | Chọn 1 trong 2 |
| 2 | ĐL04 | Địa chính trị thế giới | 2 | 2 | | |
| 3 | TH08 | Tin học ứng dụng | 3 | 3 | | Chọn 1 trong 2 |
| 4 | LG01 | Logic học | 3 | 3 | | |
| | NN02 | Ngoại ngữ không chuyên 2 | 4 | 4 | | |
| | QP01 | Giáo dục Quốc phòng | 4 tuần | 165 tiết | | |

**HỌC KỲ III (Năm 2) – 17 TC**

| STT | MÃ MÔN HỌC | TÊN MÔN HỌC | TÍN CHỈ | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | TỔNG CỘNG | LÝ THUYẾT | TH/TN | |
| | | | **17** | **16** | 1 | |
| **Các môn học bắt buộc: 12 TC** | | | **12** | **11** | 1 | |
| 1 | PL01 | Pháp luật đại cương | 3 | 3 | | |
| 2 | IS43 | Toán cho tin học | 3 | 3 | | IS34 |
| 3 | IS35 | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật | 3 | 2 | 1 | IS34 IS02 |
| 4 | IS39 | Mạng máy tính | 3 | 3 | | IS34 |
| **Các môn học tự chọn : 5 TC** | | | **5** | **5** | | |
| 1 | LS01 | Lịch sử các học thuyết kinh tế | 3 | 3 | | Chọn 1 trong 4 |
| 2 | TC10 | Lý thuyết tài chính tiền tệ | 3 | 3 | | |
| 3 | | Thống kê ứng dụng | 3 | 3 | | |
| 4 | LS02 | Lịch sử kinh tế Việt Nam và các nước | 3 | 3 | | |
| 5 | KN01 | Kỹ năng làm việc nhóm | 2 | 2 | | Chọn 1 trong 2 |
| 6 | PP01 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 2 | 2 | | |
| | NN03 | Ngoại ngữ không chuyên 3 | 4 | 4 | | |
| | GT01 | Giáo dục thể chất | 3 | 3 | | |

**HỌC KỲ IV (Năm 2) – 18 TC**

| STT | MÃ MÔN HỌC | TÊN MÔN HỌC | TÍN CHỈ | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | TỔNG CỘNG | LÝ THUYẾT | TH/TN | |
| | | | **18** | **18** | | |
| **Các môn học bắt buộc : 12 TC** | | | **12** | **12** | | |
| 1 | IS38 | Nhập môn cơ sở dữ liệu | 3 | 3 | | IS43 |
| 2 | IS37 | Hệ thống thông tin quản lý | 3 | 3 | | IS34<br>QT01 |
| 3 | LU01 | Luật kinh tế | 3 | 3 | | |
| 4 | MA01 | Marketing căn bản | 3 | 3 | | |
| **Các môn học tự chọn : 6 TC** | | | **6** | **6** | | |
| 1 | KD01 | Kinh doanh quốc tế | 3 | 3 | | Chọn 1 trong 3 |
| 3 | KT02 | Kinh tế lượng | 3 | 3 | | |
| 4 | TC18 | Tài chính doanh nghiệp | 3 | 3 | | |
| 5 | QT04 | Quản trị nguồn nhân lực | 3 | 3 | | Chọn 1 trong 2 |
| 6 | IS15 | Kế toán tin học | 3 | 3 | | |
| | NN04 | Ngoại ngữ chuyên ngành | 4 | 4 | | |
| | GT02 | Giáo dục thể chất | 2 | 2 | | |

**HỌC KỲ V (Năm 3) – 17 TC**

| STT | MÃ MÔN HỌC | TÊN MÔN HỌC | TÍN CHỈ | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | TỔNG CỘNG | LÝ THUYẾT | TH/TN | |
| | | | **17** | **14** | **3** | |
| | | **Các môn học bắt buộc : 14 TC** | **14** | **11** | 3 | |
| 1 | IS36 | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle | 3 | 2 | 1 | IS38 |
| 2 | IS40 | Thiết kế và lập trình Web kinh doanh 1 | 3 | 2 | 1 | IS02<br>IS39 |
| 3 | IS42 | Phân tích và thiết kế Hệ thống thông tin quản lý | 3 | 2 | 1 | IS37<br>IS38 |
| 4 | IS45 | Hệ thống thông tin doanh nghiệp | 2 | 2 | | IS37<br>KK01 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | ĐL01 | Đường lối cách mạng của ĐCSVN | 3 | 3 | | |
| | | **Các môn học tự chọn : 3 TC** | **3** | **3** | | |
| 1 | QT03 | Quản trị chiến lược | 3 | 3 | | Chọn 1 trong 4 |
| 2 | IS27 | Lập trình cơ sở dữ liệu | 3 | 3 | | |
| 3 | LU03 | Chính phủ điện tử | 3 | 3 | | |
| 4 | TN02 | Thị trường chứng khoán | 3 | 3 | | |
| | NN05 | Ngoại ngữ chuyên ngành | 4 | 4 | | |

**HỌC KỲ VI (Năm 3) – 17 TC**

| STT | MÃ MÔN HỌC | TÊN MÔN HỌC | TÍN CHỈ | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | TỔNG CỘNG | LÝ THUYẾT | TH/TN | |
| | | | **17** | **15** | **2** | |
| | | **Các môn học bắt buộc : 14 TC** | **14** | **12** | **2** | |
| 1 | IS41 | Thiết kế và lập trình Web kinh doanh 2 | 3 | 2 | 1 | IS36 IS40 |
| 2 | IS21 | Thương mại điện tử | 3 | 3 | | IS34 QT01 PL01 MA01 |
| 3 | IS48 | Quản trị dự án hệ thống thông tin | 3 | 3 | | IS02 IS42 |
| 4 | IS46 | Tích hợp qui trình kinh doanh với các hệ thống ERP 1 | 3 | 2 | 1 | IS45 |
| 5 | TT01 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | 2 | | |
| | | **Các môn học tự chọn : 3 TC** | **3** | **3** | | |
| 1 | NV01 | Nghiệp vụ ngân hàng thương mại | 3 | 3 | | Chọn 1 trong 4 |
| 2 | IS28 | Marketing điện tử | 3 | 3 | | |
| 3 | KK08 | Kế toán tài chính | 3 | 3 | | |
| 4 | IS26 | Phát triển ứng dụng mã nguồn mở | 3 | 3 | | |
| | NN06 | Ngoại ngữ chuyên ngành | 4 | 4 | | |

**HỌC KỲ VII (Năm 4) – 21 TC**

| STT | MÃ MÔN HỌC | TÊN MÔN HỌC | TÍN CHỈ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|

| | | | TỔNG CỘNG | LÝ THUYẾT | TH/TN | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | **21** | **19** | **2** | |
| | | **Các môn học bắt buộc : 12 TC** | **12** | **10** | **2** | |
| 1 | IS14 | Khai phá dữ liệu và Nhà kho dữ liệu | 3 | 2 | 1 | IS38 |
| 2 | IS28 | An toàn và bảo mật hệ thống thông tin quản lý | 3 | 3 | | IS42<br>IS39 |
| 3 | IS25 | Đồ án ngành | 3 | 3 | | IS42<br>IS41<br>IS36 |
| 4 | IS47 | Tích hợp qui trình kinh doanh với các hệ thống ERP 2 | 3 | 2 | 1 | IS46 |
| | | **Các môn học tự chọn : 3 TC** | **3** | **3** | | |
| 1 | LU03 | Luật giao dịch điện tử | 3 | 3 | | Chọn 1 trong 4 |
| 2 | KK13 | Hệ thống thông tin kế toán | 3 | 3 | | |
| 3 | IS19 | Thanh toán điện tử | 3 | 3 | | |
| 4 | QT16 | Quản trị bán hàng | 3 | 3 | | |
| | | **Các môn học chuyên đề : 6 TC** | **6** | **6** | | Dành cho sinh viên không làm khóa luận |
| 1 | | Chuyên đề tốt nghiệp 1 | 2 | 2 | | |
| 2 | | Chuyên đề tốt nghiệp 2 | 2 | 2 | | |
| 3 | | Chuyên đề tốt nghiệp 3 | 2 | 2 | | |

**HỌC KỲ VIII (Năm 4) – 10 TC**

| STT | MÃ MÔN HỌC | TÊN MÔN HỌC | TÍN CHỈ | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | TỔNG CỘNG | LÝ THUYẾT | TH/TN | Ghi chú |
| 1 | | Thực tập cuối khóa | 4 | 4 | | |
| 2 | | Khóa luận tốt nghiệp | 6 | 6 | | |

## 9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các môn:

### Tin học đại cương (general informatics)

1. Số tín chỉ: 3
2. Điều kiện tiên quyết: không
3. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Một số kiến thức nền về dữ liệu, thông tin, xử lý thông tin, phần cứng, phần mềm và hệ điều hành.
- Trình bày cách sử dụng các phần mềm văn phòng và truy cập Internet.
- Các kiến thức sơ đẳng về ngôn ngữ lập trình làm nền cho các môn học lập trình và Tin học quản lý trong các học kỳ sau.

**Kỹ Thuật Lập Trình (Programming Techniques)**

1. Số tín chỉ: Lý thuyết : 3; bài tập lớn; đồ án môn học hay thảo luận và thực hành : 1
2. Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương
3. Mô tả vắn tắt nội dung môn học :
   - Môn học gồm 3 phần :

     - Phần một ôn tập lại về các kiến thức cơ bản trong lập trình, kỹ năng xác định bài toán và thành lập giải thuật, kỹ năng đọc và phân tích mã lệnh của chương trình.

     - Phần hai cung cấp kiến thức từ cơ bản đến nâng cao về lập trình Windows Form, lập trình với bộ thư viện COM của Microsoft Office, phối hợp các kiến thức để viết một ứng dụng quản lý.

     - Phần ba trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cấu trúc dữ liệu và các thuật toán phổ biến, cách thức phát triển phần mềm hướng đối tượng.

**CẤU TRÚC DỮ LIỆU- C# - (data structure and algorithm in C#)**

1. Số tín chỉ: 3 tín chỉ (30 tiết Lý thuyết; thực hành 30 tiết)
2. Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương, Kỹ thuật lập trình
3. Mô tả vắn tắt nội dung môn học

   Tìm hiểu cách thức xây dựng cấu trúc cho bài toán lập trình tìm hiểu về mảng, list, heap, cây .. và cách thức thao tác trên các cấu trúc dữ liệu trên. Đồng thời tìm hiểu các xử lý thuật toán trong tìm kiếm và sắp xếp. đánh giá và phân tích tốc độ các thuật toán.

**Mạng máy tính (Computer Networks)**

1. Số tín chỉ: Lý thuyết 3 tín chỉ
2. Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương
3. Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Môn học gồm 3 phần: lý thuyết về mạng, lý thuyết về bảo mật, lập trình mạng cơ bản

**Nhập môn Cơ Sở Dữ Liệu (Introduction to Database)**

1. Số tín chỉ: 3

2. Điều kiện tiên quyết: Toán cho tin học
3. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Môn học gồm 4 phần:

- Phần một: Giới thiệu, thiết kế cơ sở dữ liệu quan hệ: giúp cho sinh viên nắm được như thế nào là lược đồ cơ sở dữ liệu quan hệ, vai trò của cơ sở dữ liệu trong hệ thống thông tin, từ khảo sát hiện trạng, phân tích được các yêu cầu, đưa ra các thiết kế luận lý.
- Phần hai: Ngôn ngữ truy vấn dữ liệu có cấu trúc – SQL: cung cấp các cú pháp, phép toán, hàm và dạng truy vấn khai thác thông tin.
- Phần ba: Chuẩn hóa CSDL, giới thiệu các dạng chuẩn, đưa ra các giải pháp để tối ưu hóa cơ sở dữ liệu.
- Phần bốn: Viết phần mềm khai thác CSDL trên C# theo mô hình 3 lớp.

**Hệ thống thông tin quản lý (Management Information Systems)**

1. Số tín chỉ: 3
2. Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương, Quản trị học căn bản
3. Mô tả vắn tắt nội dung môn học

Môn học gồm 4 phần chính như sau:

- Phần một: giới thiệu các kiến thức tổng quan về hệ thống thông tin, các thành phần của một hệ thống thông tin.
- Phần hai: cung cấp các kiến thức về các loại hệ thống thông tin theo các khía cạnh quản lý và chức năng; các hệ thống thông tin trong thực tế hiện nay như ERP, SCM, CRM
- Phần ba: trang bị kiến thức về quy trình xây dựng và phát triển hệ thống thông tin
- Phần bốn: giới thiệu kiến thức để quản lý, bảo mật và kiểm soát hệ thống thông tin

**Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle (Introduction to Oracle Database Management System)**

1. Tên môn học : Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle
2. Điều kiện tiên quyết : Nhập môn cơ sở dữ liệu.
3. Mô tả tóm tắt nội dung môn học :

Môn học gồm 2 phần:

- Phần một: Môn học giới thiệu về cơ bản SQL sử dụng kỹ thuật CSDL Oracle 11g. Môn học giới thiệu các khái niệm CSDL quan hệ và ngôn ngữ lập trình SQL. Môn học cung cấp các kỹ năng SQL cần thiết cho phép các nhà phát triển phần mềm viết các vấn tin lấy dữ liệu từ một hoặc nhiều bảng dữ liệu, thao tác dữ liệu trong các bảng dữ liệu. Tìm hiểu các đối tượng trong lược đồ CSDL. Tạo các tập tin chỉ mục, các ràng buộc. Tạo và vấn tin các bảng dữ liệu ngoài, chuyển đổi dữ liệu trong ứng dụng nhà kho dữ liệu.
- Phần hai: tìm hiểu tóm tắt các thành phần kiến trúc của CSDL, quyền hệ thống và quyền đối tượng trong CSDL. Sử dụng công cụ Enterprise Manager (EM) tạo user, gán quyền, tạo các vùng lưu trữ dữ liệu. Môn học sử dụng công cụ chính là Oracle SQL Developer và sử dụng SQL*Plus là công cụ tùy chọn.

**Thiết kế và lập trình Website kinh doanh 1**

1. Số tín chỉ: 3 tín chỉ
2. Điều kiện/môn học tiên quyết: Kỹ thuật lập trình, Mạng máy tính
3. Mô tả vắn tắt nội dung môn học :

   Môn học gồm 2 phần :

   - Phần một đề cập đến các khái niệm cơ bản về Internet, những nguyên lý cơ bản trong thiết kế và xây dựng Web.
   - Phần hai Làm việc với các ngôn ngữ trong thiết kế và lập trình web:
     - HTML, DHTML
     - CSS (Cascading Style Sheet)
     - JavaScript, HTML DOM
     - ASP (Active Server Page), ADO
     - CSDL

**Phân tích & Thiết kế Hệ thống thông tin quản lý (Management information systems analysis and design)**

1. Số tín chỉ: Lý thuyết : 2; bài tập lớn, đồ án môn học hay thảo luận và thực hành : 1
2. Điều kiện tiên quyết: Nhập môn Hệ thống thông tin quản lý, Cơ sở dữ liệu, Kinh tế vi mô, Kỹ thuật lập trình, Tin học đại cương.
3. Mô tả vắn tắt nội dung môn học

Môn học gồm 2 phần và một phụ lục, trong đó phần II và phụ lục được tiến hành song song.

- Phần I : Giới thiệu & ôn lại các kiến thức về HTTT nói chung và HTTTQL nói riêng. Trình bày các giai đoạn & các phương pháp được ứng dụng tại mỗi giai đoạn của quá trình PTTK, ưu khuyết điểm của các phương pháp. Thực trạng ứng dụng & triển khai HTTTQL tại nước ta hiện nay, các thuận lợi, khó khăn cũng như xu hướng phát triển, các vị trí công việc có liên quan…
- Phần II : Trình bày cụ thể từng giai đoạn như Khảo sát hiện trạng, Phân tích yêu cầu, Thiết kế HTTTQL, đề xuất các giải pháp xây dựng, …
- Phần phụ lục : Trình bày các phương pháp cài đặt, xây dựng & triển khai các kết quả từ quá trình phân tích, thiết kế. Ngôn ngữ lập trình được sử dụng là C#.

**Kế toán tin học**

1. Số tín chỉ: 3
2. Điều kiện tiên quyết: Kế toán đại cương, Tin học đại cương
3. Mô tả vắn tắt nội dung môn học :

**Phần 1 : Tổng quan về Access 2007**

Trong phần này hướng dẫn sinh viên làm quen với Access 2007 và các công cụ để tạo giao diện nhập liệu cũng như thao tác làm việc với CSDL dựa trên các công cụ có sẵn của Access 2007

**Phần 2: Sổ sách và báo cáo kế toán**

Hướng dẫn sinh viên thiết kế nhập liệu và kết xuất các báo cáo kế toán và từng bước hoàn thành các sổ sách kế tóan dựa trên phần mềm **Kế tóan tổng hợp** bằng Access 2007

**Lập trình Cơ sở dữ liệu (Database Programming)**

1. Số tín chỉ: 3 tín chỉ
2. Điều kiện/môn học tiên quyết: Hiểu biết về kiến thức kỹ thuật lập trình, nhập môn cơ sở dữ liệu, hệ quản trị cơ sở dữ liệu.
3. Mô tả vắn tắt nội dung môn học :

Môn học gồm 2 phần :

– Phần một đề cập kỹ thuật kết nối và lập trình cơ sở dữ liệu

– Phần hai : Tổ chức cho sinh viên thảo luận và làm báo cáo Seminar:

**Marketing điện tử (E-marketing)**

1. Số tín chỉ: 3
2. Điều kiện tiên quyết: Marketing căn bản, thương mại điện tử
3. Mô tả vắn tắt nội dung môn học

   Môn học gồm 4 phần:

   - Phần I giới thiệu khái niệm và sự cần thiết của E-marketing, mối quan hệ giữa E-business và E-marketing, hành vi của khách hàng trực tuyến và các vấn đề về nghiên cứu E-marketing.

   - Phần II giới thiệu môi trường marketing bao gồm một số vấn đề về thị trường toàn cầu, tính đạo đức và pháp lý có ảnh hưởng đến việc thực hiện E-marketing.

   - Phần III cung cấp kiến thức tổng quát về việc lập một kế hoạch marketing.

   - Phần IV giới thiệu các công cụ và kênh truyền thông dùng để triển khai kế hoạch E-marketing.

**Thiết kế và lập trình Website kinh doanh 2 (Business-2 website designing and programming)**

1. Số tín chỉ: 3 tín chỉ
2. Điều kiện/môn học tiên quyết: Thiết kế và lập trình Website kinh doanh 1, Hệ quản trị CSDL Oracle
3. Mô tả vắn tắt nội dung môn học :

   Môn học gồm 6 phần :

   – Phần 1: tổng quan về phát triển ứng dụng web bằng ASP.NET, xây dựng Web Forms sử dụng các Web Controls cơ bản

   – Phần 2: xây dựng Web Forms với các Web Controls nâng cao như: Validation, Rich Controls, User Controls, Themes, Master Pages, Website Navigation, …

   – Phần 3: thao tác và xử lý dữ liệu với công nghệ ADO. NET và các điều khiển như: Data Binding, các Data Controls, làm việc với dữ liệu XML

   – Phần 4: an toàn và bảo mật website

   – Phần 5: tìm hiểu và sử dụng một số công nghệ nâng cao trong ASP. NET như LINQ, AJAX

   – Phần 6: triển khai ứng dụng web ASP. NET

**Thương mại điện tử (E-commerce)**

1. Số tín chỉ: 03
2. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải có kiến thức cơ bản về Tin học đại cương, Quản trị học căn bản, Pháp luật đại cương, Marketing căn bản.
3. Tóm tắt nội dung môn học :

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức chung về TMĐT cũng như các vấn đề cần nắm bắt liên quan đến phát triển hệ thống TMĐT, xây dựng dự án kinh doanh thương mại điện tử.

**Quản trị dự án Hệ thống thông tin (Information system project management)**

1. Số tín chỉ: 3
2. Điều kiện tiên quyết: Phân tích và Thiết kế Hệ thống thông tin quản lý, Kỹ thuật lập trình
3. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Môn học này cung cấp các kiến thức căn bản về quản lý dự án phần mềm bao gồm các tiến trình được thực hiện trong dự án và mô hình triển khai dự án phần mềm. Ứng với mỗi tiến trình, sinh viên sẽ được tìm hiểu chi tiết về các công việc quản lý sẽ được thực hiện cũng như nắm rõ đầu vào và đầu ra của mỗi tiến trình.

**Hệ thống thông tin doanh nghiệp (Enterprise systems)**

1. Số tín chỉ: 3
2. Điều kiện tiên quyết: Hệ thống thông tin quản lý, Kế toán đại cương
3. Mô tả vắn tắt nội dung môn học

Môn học gồm 3 phần:

- Phần một: Giới thiệu tổng quan về ERP, các thành phần của ERP.
- Phần hai: Cấu trúc của một hệ thống ERP
    - Hệ thống quản lý nguồn nhân lực (Human Resource): Hệ thống quản lý nhân sự tiền lương
    - Phân phối (Distributions):
        - Purchasing Management
        - Sales Management
        - Inventory Management
    - Kế toán – Tài chính ( Acountant and Finance)

- Quản lý sản xuất ( Manufacturing Management)

– Phần ba: trang bị kiến thức về quy trình lập kế hoạch, định nghĩa và triển khai hệ thống ERP.

– Phần bốn : Thực tiễn triển khai ERP tại Việt Nam

**Tích hợp qui trình kinh doanh với các hệ thống ERP P1 (Integrated Business processes with ERP Systems P1)**

4. Số tín chỉ: Lý thuyết : 2; bài tập lớn, đồ án môn học hay thảo luận và thực hành : 1
5. Điều kiện tiên quyết: Hệ thống thông tin doanh nghiệp
6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học

   Môn học gồm 2 phần.

   - Phần I : Giới thiệu các khái niệm cơ bản như Tổ chức, Doanh nghiệp, Nghiệp vụ trong doanh nghiệp, Hệ thống quản trị doanh nghiệp và đặc biệt là khái niệm ERP (Enterprise Resource Planning – Hoạch định nguồn lực trong doanh nghiệp). Trình bày các qui trình, giai đoạn và những vấn đề đặt ra trong việc xây dựng & triển khai các Hệ thống ERP, vai trò của ERP đối với việc hỗ trợ quản trị doanh nghiệp. Trong phần này, sinh viên được tiếp cận cũng như thực tập với Hệ thống ERP được xem là có qui mô lớn nhất hiện nay là SAP ERP với gói Dataset GBI2 (gói này chứa dữ liệu của doanh nghiệp mẫu Global Bike Incorporated do SAP xây dựng để phục vụ cho việc đào tạo về ERP cho các trường đại học có tham gia chương trình SAP UAP – University Alliances Program).
   - Phần II : Trình bày các phân hệ chuẩn của SAP ERP và các qui trình nghiệp vụ chủ chốt là Kế toán (Accounting), Bán hàng (Fulfillment), Mua hàng (Procurement). Trình bày sự tích hợp của các qui trình này trong một Hệ thống ERP qua các Master data, tính Cross-functional giữa các qui trình để tạo nên một Hệ thống nghiệp vụ thống nhất. Trong phần này, sinh viên được thực tập trên SAP ERP với rất nhiều các real-world case study (do UAC cung cấp) xoay quanh doanh nghiệp GBI2, một doanh nghiệp có qui mô tổ chức trên phạm vi toàn cầu, sinh viên được tham gia đóng vai trò như một chuyên viên tác nghiệp trong từng phòng ban của doanh nghiệp GBI2.

**Lập trình mã nguồn mở**

1. Số tín chỉ: Lý thuyết : 3; bài tập lớn; đồ án môn học hay thảo luận và thực hành:
2. Điều kiện tiên quyết:
3. Mô tả vắn tắt nội dung môn học : Nội dung môn học được chia thành 6 chương.

Chương 1 Khái niệm mã nguồn mở lịch sử phát triển và giới thiệu về giấy phép phần mềm, do khi chọn một phần mềm dùng ta cần phải hiểu giấy phép của phần mềm đó, đó là 1 công việc quan trọng giúp cho bạn không vi phạm bản quyền và giúp cho bản khai thác sản phẩm đó được tốt nhất, chương này nói về vấn đề đó.

Chương 2 Công đồng nguồn mở tìm hiểu về một số cộng đồng nguồn mở giúp mình thực hiện công việc phát triển ứng dụng của mình nhanh hơn và ko phải bỏ thời gian để làm một cái đã được chia sẽ.

Chương 3 Xây dựng phần mềm mã nguồn mở Lập trình mã nguồn mở với Java, lập trình Web với PHP và làm việc mới hệ quản trị cơ sở dữ liệu với MySQL

Chương 4 Khai thác phần mềm mã nguồn mở. Giới thiệu các hệ điều hành nguồn mở, phần mềm dịch vụ cho máy chủ Linux , phần mềm ứng dụng nguồn mở trên Linux

Chương 5 Một số phương pháp cài đặt mã nguồn mở, do tính mở của sản phẩm nên đôi khi nó chưa chuẩn bị thật tốt cho người sử dụng nên đòi hỏi người dùng cần phải có một số kỹ năng nhất định mới có thể cài đặt và sử dụng được, chương này sẽ trình bày những kỹ năng đó.

**Khai phá dữ liệu và Nhà kho dữ liệu (Data-mining & Data-warehouse)**

1. Số tín chỉ: Lý thuyết : 2; bài tập lớn; đồ án môn học hay thảo luận và thực hành : 1
2. Điều kiện/môn học tiên quyết: Nhập môn cơ sở dữ liệu
3. Mô tả vắn tắt nội dung môn học :
   - Môn học gồm 3 phần :

     - Khái niệm và phương pháp xây dựng nhà kho dữ liệu.

     - Khái niệm về khai phá dữ liệu. Một số thuật toán khai phá dữ liệu, ứng dụng trong khai thác thông tin kinh tế.

     - Một số mô hình áp dụng trong kinh tế.

**An toàn và bảo mật hệ thống thông tin quản lý (Safety and Security Information system)**

1. Số tín chỉ: 3

2. Điều kiện tiên quyết: Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin quản lý, Mạng máy tính
3. Mô tả vắn tắt nội dung môn học :
   - Môn học gồm các phần :

     - Khái quát về bảo mật hệ thống thông tin, các mối đe doạ đối với hệ thống thông tin.

     - Tìm hiểu một số phương pháp bảo mật hệ thống, mã hoá thông tin.

     - Tìm hiểu việc một số biện pháp bảo mật cơ sở dữ liệu như phân quyền, kiểm soát truy cập cơ sở dữ liệu.

     - Tìm hiểu bảo mật trong các ứng dụng hiện đại (TMĐT, ứng dụng với thiết bị di động)

**Đồ án ngành**

1. Số tín chỉ: 3
2. Điều kiện tiên quyết: Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin, Nhập môn cơ sở dữ liệu, Thiết kế Web kinh doanh 1&2, Hệ quản trị cơ sở dữ liệu 1&2
3. Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Sinh viên tổ chức thành từng nhóm 5 người, do một giảng viên phụ trách hướng dẫn. Mỗi nhóm sẽ khảo sát thực tế và chọn đề tài để thực hiện xuyên suốt nội dung môn học. Trong quá trình thực hiện, nhóm sẽ được hướng dẫn những nội dung cơ bản như phương pháp chọn đề tài, bảo vệ đề cương, cách tổ chức công việc trong nhóm, lập kế hoạch làm việc và báo cáo công việc theo tiến độ, bảo vệ kết quả sau cùng trước hội đồng.

**Tích hợp qui trình kinh doanh với các hệ thống ERP P2 (Integrated Business processes with ERP systems P2)**

1. Số tín chỉ: Lý thuyết : 2; bài tập lớn, đồ án môn học hay thảo luận và thực hành : 1
2. Điều kiện tiên quyết: Tích hợp qui trình kinh doanh với các hệ thống ERP P1.
3. Mô tả vắn tắt nội dung môn học
   - Trình bày chi tiết về các qui trình nghiệp vụ chủ chốt trong doanh nghiệp như qui trình Quản trị vật tư, qui trình Sản xuất và Lập kế hoạch, vai trò của Kế toán quản trị, Quản lý kho, Quản lý nhân sự. Các nội dung được trình bày ở mỗi qui trình gồm : Các khái niệm và thuật ngữ cơ bản, Hệ thống thông tin và các dữ liệu chủ chốt (Master data), các giai đoạn nghiệp vụ và tính liên kết của các giai đoạn, tương tác giữa qui trình này

với các qui trình khác, các bài tập thực hành theo case study trên Hệ thống SAP ERP.

**Hệ thống thông tin kế toán (Accounting Information Systems)**

1. Số tín chỉ: 3
2. Điều kiện tiên quyết : Kế toán đại cương, Kế toán tài chính
3. Mô tả vắn tắt nội dung môn học :
    a. Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin, giúp sinh viên hệ thống hóa các môn học trong ngành quản trị doanh nghiệp, từ đó tổ chức hệ thống thông tin kế toán nhằm kiểm soát tài sản cũng như cung cấp kịp thời các thông tin hữu ích cho nhà quản trị trong và ngoài doanh nghiệp khi ra quyết định kinh doanh.
    b. Môn học được bắt đầu từ giới thiệu hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp, kế đến sẽ mô tả các quy trình kinh doanh chính và mục tiêu kiểm soát trong từng quy trình, và cuối cùng là các tiêu chí, cơ sở để lựa chọn, vận hành hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp.
    c. Thông qua lý thuyết được trình bày trên lớp, kết hợp với các tài liệu tham khảo được hướng dẫn, sinh viên sẽ tiến hành xây dựng một hoặc vài quy trình kinh doanh cụ thể tại một đơn vị kinh doanh. Các quy trình này phải phù hợp với quy mô, yêu cầu quản lý và mang tính khả thi

**Chính phủ điện tử (E-Government)**

1. Số tín chỉ: Lý thuyết: 2; bài tập, case study và thảo luận: 1
2. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải có kiến thức về mạng căn bản
3. Mô tả vắn tắt nội dung môn học

Môn học gồm 3 phần:

- Phần I giới thiệu về nền kinh tế Internet, những khái niệm về quản lý hành chính nhà nước và chính phủ điện tử.
- Phần II cung cấp cho sinh viên những kiến thức về xu hướng và thông lệ của chính phủ điện tử đồng thời giới thiệu các mô hình chính phủ điện tử điển hình trên thế giới.
- Phần III giới thiệu chiến lược xây dựng chính phủ điện tử tại Việt Nam và cách thức quản lý thực thi và cải cách chính phủ điện tử.

**Nhập môn Lập trình ABAP (Introduction to ABAP Programming)**

1. Số tín chỉ: Lý thuyết : 2; bài tập lớn, đồ án môn học hay thảo luận và thực hành : 1

2. Điều kiện tiên quyết: Nhập môn Cơ sở dữ liệu, Tích hợp qui trình kinh doanh với ERP P1 & P2, Kỹ thuật lập trình.
3. Mô tả vắn tắt nội dung môn học

   Môn học gồm 2 phần được tiến hành song song.

   - Phần I : Giới thiệu các khái niệm cơ bản trong giai đoạn Customization Hệ thống ERP, vai trò của Customization, môi trường và công cụ phát triển phần mềm của ERP. Trình bày các khái niệm và các nội dung cơ bản trong Lập trình ABAP.
   - Phần II : Thực hành trên SAP ERP, ứng dụng lập trình ABAP để customize một số phân hệ chức năng cụ thể theo yêu cầu đặt ra trong các case-study.

**10. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình**

*(Giảng dạy các môn học thuộc kiến thức giáo dục chuyên nghiệp)*

**10.1 Danh sách giảng viên cơ hữu**

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo | Năm được cấp bằng | Kinh nghiệm giảng dạy | Môn học sẽ giảng dạy |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Phan Thy Tường Vy | 1979 | ThS/ Luật | | | Luật kinh tế |
| 2 | Võ Thị Ngọc Trinh | 1974 | ThS/Quản trị kinh doanh | | | Marketing căn bản |
| 3 | Trần Thiện Trúc Phượng | 1974 | ThS/Kinh tế | | | Kinh tế lượng |
| 4 | Vũ Văn Điệp | 1970 | ThS/Quản trị kinh doanh | | | Kế toán tin học |
| 5 | Cao Thị Hương Giang | 1971 | ThS/Tài chính ngân hàng | | | Thị Trường chứng khoán |
| 6 | Phạm Mạnh Cường | 1986 | ThS/HTTT | | | Luật giao dịch điện tử<br>E-marketing |
| 7 | Trương Hoài Phan | 1976 | ThS/Tin học | | | Kỹ thuật lập trình<br>Cấu trúc dữ liệu<br>Mạng máy tính<br>Lập trình CSDL<br>Phát triển ứng dụng mã nguồn mở |
| 8 | Hồ Trung Thành | 1975 | ThS/CNTT | | | Thiết kế và lập trình Website kinh doanh phần 1<br>Thiết kế và lập trình Website kinh doanh phần 2<br>Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP P2 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 9 | Nguyễn Duy Nhất | 1980 | ThS/ Toán tin | | | Toán cho tin học<br>Nhập môn Cơ sở dữ liệu<br>Khai phá dữ liệu và Nhà kho dữ liệu<br>Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP P1<br>Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP P2 |
| 10 | Ngô Cao Định | 1982 | ThS/ Tin học | | | Tin học đại cương<br>Quản trị dự án hệ thống thông tin |
| 11 | Lê Hoành Sử | 1978 | ThS/ HTTT | | | Thương mại điện tử<br>Luật giao dịch điện tử |
| 12 | Trần Quang Thân | 1966 | CN/Tin học | | | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle |
| 13 | Vũ Thị Thu Trang | 1987 | ThS/HTTT | | | Hệ thống thông tin quản lý<br>Hệ thống thông tin kế toán<br>Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP P1 |
| 14 | Triệu Việt Cường | 1982 | ThS/HTTT | | | Phân tích và thiết kế Hệ thống thông tin quản lý<br>Thương mại điện tử<br>Hệ thống thông tin kế toán |
| 15 | Nguyễn Anh Tuấn | 1983 | TS/Khoa học máy tính | | | Thương mại điện tử |
| 16 | Vũ Thúy Hằng | 1988 | ThS/HTTT | | | Tin học ứng dụng<br>Nhập môn Cơ sở dữ liệu<br>Khai phá dữ liệu và Nhà kho dữ liệu<br>Nhập môn lập trình ABAP |
| 17 | Phạm Công Thành | 1986 | CN/HTTT | | | Kỹ thuật lập trình<br>Lập trình CSDL<br>Phát triển ứng dụng mã nguồn mở |
| 18 | Lê Hải Nam | 1981 | ThS/Khoa học máy tính | | | Mạng máy tính |
| 19 | Nguyễn Hồ Minh Đức | 1979 | ThS/Khoa học máy tính | | | An toàn và bảo mật Hệ thống thông quản lý<br>Hệ thống thông tin doanh nghiệp |
| 20 | Lê Thị Kim Hiền | 1990 | CN/HTTT | | | Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP P1<br>Tin học ứng dụng |
| 21 | Phan Công Chính | 1978 | TS/HTTT | | | Hệ thống thông tin doanh nghiệp |

## 10.2 Danh sách giảng viên thỉnh giảng

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo | Năm được cấp bằng | Kinh nghiệm giảng dạy | Môn học sẽ giảng dạy |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Xuân Dũng | 1961 | ThS/ TT | | | Thương mại điện tử<br>Chính phụ điện tử<br>Thanh toán điện tử |

**11. Danh sách Cố vấn học tập**

- Nguyễn Duy Nhất
- Trương Hoài Phan
- Ngô Cao Định
- Vũ Thị Thu Trang

**12. Cơ sở vật chất phục vụ học tập**

**12.1 Phòng học:** Trường đại học Khoa học tự nhiên và tòa nhà điều hành và học tập Trường Đại học Kinh tế - Luật

**12.2 Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính/thực hành**

| STT | Tên phòng thí nghiệm, địa chỉ | Đơn vị chủ quản | Môn học | Diện tích | Số thiết bị thí nghiệm chuyên dùng (máy tính) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Phòng máy 1 - Linh Trung | Trường ĐH Kinh tế - Luật | Tin học đại cương | | 55 |
| 2 | Phòng máy 2 - Linh Trung | Trường ĐH Kinh tế - Luật | | | 50 |
| 3 | Phòng máy 701 - Linh Xuân | Trường ĐH Kinh tế - Luật | Kỹ thuật lập trình<br>Cấu trúc dữ liệu<br>Hệ quản trị CSDL 1<br>Thiết kế Web kinh doanh 1, 2<br>Quản trị dự án HTTT<br>Hệ thống thông tin kế toán<br>Kế toán tin học<br>Phân tích và thiết kế HTTT | | 45 |
| 4 | Phòng máy 707 - Linh Xuân | Trường ĐH Kinh tế - Luật | | | 45 |

**12.3 Thư viện**

- Thư viện của Trường Đại học Kinh tế - Luật
- Thư viện Trung tâm Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

**12.4 Giáo trình tập bài giảng**

| STT | Tên môn học trong CTĐT | Tên giáo trình/sách tham khảo đáp ứng môn học | Tác giả | Năm xuất bản | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Cấu trúc dữ liệu | Cấu trúc dữ liệu minh hoạ bằng c# | Trương Hoài Phan - ThS. Hồ Trung Thành | 2010 | Giáo trình chính |
| 2 | Nhập môn cơ sở dữ liệu | Nhập môn cơ sở dữ liệu | ThS. Nguyễn Duy Nhất | 2010 | Giáo trình chính |
| 3 | Phát triển ứng dụng mã nguồn mở | [1] Drupal 7 | David mărcer | | Sách tham khảo |
| | | [2] Drupal 7 social networking | Michael peacock (https://drupal.org/node/910068) | | Sách tham khảo |
| 4 | Quản trị dự án hệ thống thông tin | [1] A Guide to The Project Management Body of Knowledge, Project Management Institute | | 2004 | Giáo trình chính |
| | | [2] Methods of IT Project Management | Jeffrey L.Brewer and Kevin Dittman | 2009 | Giáo trình chính |
| | | [3] Software Engineering 8th Edition | Ian Sommerville | 2004 | Sách tham khảo |
| | | [4]Project management step-by-step, AMACOM/American Management Association | Larry Richman, | 2002 | Sách tham khảo |
| | | [5]The Project Management Life Cycle, Kogan Page | Jason Westland | 2006 | Sách tham khảo |
| | | [6] Bài giảng Quản trị dự án CNTT | PGS. TS. Trương Mỹ Dung | 2007 | Sách tham khảo |
| 5 | Tin học đại cương (Ngành 406) | [1] Giáo trình Tin học đại cương | ThS. Tạ Minh Châu | 2010 | Sách tham khảo |
| | | [2] Microsoft Visual C# 2008: An Introduce to Object Oriented Programming Third Edition, ISBN 1-4239-0255-6, Cengage Learning. | Joyce Farrell | | Giáo trình chính |
| | | [3] Kỹ thuật lập trình ứng dụng C# toàn tập | Phương Lan, Phạm Hữu Khang | | Sách tham khảo |
| | | [4] C# Language Specification Version 3.0 | Microsoft | 2007 | Sách tham khảo |
| | | [5] , C#. Net Web Developer Guide, ISBN 1-928994-50-4 | Adrian Turtschi | | Sách tham khảo |
| | | [6] Lập trình C# từ cơ bản đến nâng cao, NXB Giáo dục. | Phạm Công Ngô | | Sách tham khảo |
| | | [7] Tin học đại cương. | Đại học Khoa học Tự nhiên | | Sách tham khảo |
| | | [8] Hướng dẫn sử dụng windows XP, NXB Thống kê | Lữ Đình Thảy | 2005 | Sách tham khảo |
| 6 | Thương mại điện tử | [1] Giáo trình TMĐT căn bản, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân | TS Trần Văn Hòe | 2007 | |
| | | [2] E-Commerce, Pearson Press, | Kenneth C. Laudon | 2010 | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | [3] Electronic Commerce, a Managerial Perspective, Pearson Press | Turban | 2010 | |
| 7 | Luật giao dịch điện tử | [1] Bộ Luật Giao Dịch Điện Tử, Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam | | 2006 | |
| | | [2] Luật Giao Dịch Điện Tử Và Các Văn Bản Hướng Dẫn Thực Hiện, Nxb Lao động Xã hội | Nguyễn Huyền Nga | 2009 | |
| 8 | Mạng máy tính | [1] Tcp-Ip Illustrated – Addision Wesley. | Richard Stevens | | Sách tham khảo |
| | | [2] Computer Networks, Fourth Edition – Prentice Hall | Andrew S. Tanenbaum | | Sách tham khảo |
| | | [3] A Guide to Computer Network Security – Springer | Joseph Migga Kizza | | Sách tham khảo |
| | | [4] Computer Viruses and Malware – Springer | John Aycock | | Sách tham khảo |
| | | [5] Understanding IPv6 2nd Edition – Microsoft Press | Joseph Davies | | Sách tham khảo |
| | | [6] The complete guide to Windows server 2008 – Addision Wesley | John Savill | | Sách tham khảo |
| | | [7] Microsoft ISA Server 2006 Unleashed – SAMS | Michael Noel | | Sách tham khảo |
| | | [8] Armando Escalante - Handbook of Cloud Computing – Springer | Borko Furht | | Sách tham khảo |
| | | [9] Introduction to Computer Security - Prentice Hall PTR | Matt Bishop | | Sách tham khảo |
| | | [10] Computer Security: Art and Science - Addison Wesley | Matt Bishop | | Sách tham khảo |
| | | [11] Cryptography and Network Security Principles and Practice – Prentice Hall | William Stallings | | Sách tham khảo |
| 9 | Hệ thống thông tin quản lý | Management Information System: Managing the firm | Jane P. Laudon, Kenneth C. Laudon | 2006 | Giáo trình chính |
| 10 | Phân tích và thiết kế Hệ thống thông tin quản lý | Phân tích thiết kế Hệ thống thông tin quản lý | Đinh Thế Hiển | 2002 | Sách tham khảo |
| 11 | Kỹ thuật lập trình | Microsoft Visual C# 2008 Step by Step | John Sharp | 2008 | Sách tham khảo |
| 12 | Lập trình Cơ sở dữ liệu | Lập trình cơ sở dữ liệu với Windows Form C# | Phạm Hữu Khang | | Sách tham khảo |
| | | Mastering C# Database Programming | Jason Price | 2003 | Sách tham khảo |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 13 | Marketing điện tử | [1] Raymond Frost, E-marketing, 5th Ed. | Judy Strauss | 2009 | Giáo trình chính |
| | | [2] E-marketing excellence: the heart of ebusiness, 2nd Ed., Butterworth - Heinemann, | Paul Russell Smith, PR Smith, Dave Chaffey, | 2005 | Sách tham khảo |
| 14 | Hệ quản trị CSDL 1 | Introduction to Oracle9i: SQL , Student Guide Volume 1<br>Introduction to Oracle9i: SQL , Student Guide Volume 2<br>Introduction to Oracle9i: PL/SQL , Student Guide Volume 1<br>Introduction to Oracle9i: PL/SQL , Student Guide Volume 2<br>SQL Developer Concepts and Usage<br>Sybex,.Mastering.C.Sharp.Database.Programming.(2003).LiB.[0782141838].chm<br>Introducing Oracle Data Provider for .NET | Oracle University,<br>Oracle Document | | |
| 15 | An toàn và bảo mật hệ thống thông tin thông tin | Information Security | M. Stamp | 2005 | Sách tham khảo |
| 16 | Hệ thống thông tin Kế toán | Accounting Information Systems | James A. Hall | 2007 | |
| 17 | Khai phá dữ liệu | Giáo trình khai thác dữ liệu | Đỗ Phúc | 2009 | Sách tham khảo |
| 18 | Thiết kế Web kinh doanh 1 | Thiet ke va Lap trinh Web bang ASP | Lê Đình Duy | | |
| 19 | Thiết kế Web kinh doanh 2 | Beginning.ASP.NET.4.in.CSharp.2010 | Matthew MacDonald | 2010 | |
| 20 | Nhập môn cơ sở dữ liệu | Nhập môn cơ sở dữ liệu | Nguyễn Duy Nhất | 2014 | Tái bản lần 1 |
| 21 | Nhà kho và khai phá dữ liệu | Khai phá dữ liệu trong kinh doanh | Nguyễn Duy Nhất,<br>Hồ Trung Thành | 2013 | Chuẩn bị xuất bản |
| 22 | Chuyên đề 1 (Phân tích dữ liệu) | Khai phá dữ liệu trong kinh doanh | Nguyễn Duy Nhất,<br>Hồ Trung Thành | 2013 | Chuẩn bị xuất bản |
| 23 | Mạng máy tính | Mạng máy tính | Trương Hoài Phan,<br>Lê Hải Nam | 2014 | Chuẩn bị xuất bản |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 24 | Thương mại điện tử | Thương mại điện tử | Hồ Trung Thành, Lê Hoành Sử, Phạm Mạnh Cường, Triệu Việt Cường, Phan Phi Yến, Nguyễn Khánh Hòa | 2014 | Chuẩn bị xuất bản |
| 25 | Cấu trúc dữ liệu | Cấu Trúc dữ liệu bằng C# | Hồ Trung Thành, Trương Hoài Phan | 2014 | Chuẩn bị tái bản lần 1 |
| 26 | Tin học đại cương (406), Kỹ thuật lập trình | Ngôn ngữ lập trình C# | Ngô Cao Đỉnh, Phạm Công Thành, Nguyễn Thôn Dã | 2014 | Chuẩn bị xuất bản |
| 27 | Tin học kế toán | SSP Accounting | Vũ Văn Điệp | 2014 | Chuẩn bị xuất bản |

**13. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

- Trên cơ sở tham khảo chương trình khung của Bộ, chương trình đào tạo bậc đại học theo hệ đào tạo tín chỉ của Khoa Kinh tế được xây dựng căn cứ vào mục tiêu cụ thể, điều kiện thực tế của Khoa Kinh tế, bao gồm các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức chuyên nghiệp được thực hiện trong 8 học kỳ (bốn năm).

- Chương trình được xây dựng trên các nguyên tắc nhất định để đảm bảo tính liên thông, khoa học, đáp ứng nhu cầu xã hội.

- Các giảng viên phải tuân thủ theo đúng yêu cầu của chương trình.

- Các môn phải được thực hiện giảng dạy đúng theo thứ tự đã ghi theo từng học kỳ, theo đúng yêu cầu môn tiên quyết, môn trước, môn sau, môn song hành. Không đơn vị nào được tự ý thay đổi nếu không thông qua Hội đồng khoa học.

- Việc thực hiện đào tạo theo chương trình này phải tuân thủ Quy chế về đào tạo theo học chế tín chỉ của Đại học Quốc gia TP.HCM. Sau khi kết thúc khóa học, nếu hoàn thành đủ số lượng tín chỉ và được công nhận tốt nghiệp, người học được cấp bằng tốt nghiệp đại học bậc Cử nhân.

- Chương trình đào tạo sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của ngành và thực tiễn.

**HIỆU TRƯỞNG**

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

**NGUYỄN TIẾN DŨNG**